

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI**  
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động 3 tháng kết thúc  
ngày 31 tháng 3 năm 2022



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI**

Tầng 25, tòa nhà PVI, số 1 Phạm Văn Bạch  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 10
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	12 - 39

## **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI**

Tầng 25, tòa nhà PVI, số 1 Phạm Văn Bạch  
Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

##### **Hội đồng Quản trị**

Ông Vũ Văn Thắng	Chủ tịch (từ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên
Ông Trịnh Anh Tuấn	Thành viên
Ông Trịnh Văn Lượng	Thành viên
Ông Trần Duy Cường	Thành viên
Ông Vũ Văn Thắng	Chủ tịch (từ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022)

##### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Trịnh Anh Tuấn	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thúy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Long	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Trịnh Quốc Kiên	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2022)
Ông Nguyễn Anh Hùng	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2022)
Ông Ngô Thanh Hải	Kế toán trưởng

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động 3 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TÁI BẢO HIỂM PVI**

Tầng 25, tòa nhà PVI, số 1 Phạm Văn Bạch

Quận Cầu Giấy, Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



---

**Trịnh Anh Tuấn**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2022

Số: 1203 /VN1A-HN-BC

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm PVI (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 10 tháng 5 năm 2022, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 31 tháng 3 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động 3 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

## BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

### Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2022 và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động 3 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Phạm Hoài Nam

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số 0042-2018-001-1

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 10 tháng 5 năm 2022

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+150+190)	<b>100</b>		<b>4.646.524.138.035</b>	<b>4.253.525.286.193</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>17.907.453.469</b>	<b>37.995.524.279</b>
1. Tiền	111		17.907.453.469	37.995.524.279
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>1.344.862.604.498</b>	<b>1.219.628.504.499</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.344.862.604.498	1.219.628.504.499
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>778.812.902.839</b>	<b>417.008.124.001</b>
1. Phải thu khách hàng	131	6	782.003.251.036	420.795.181.753
1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	131.1		718.010.046.171	358.615.337.133
1.2. Phải thu khác của khách hàng	131.2		63.993.204.865	62.179.844.620
2. Phải thu ngắn hạn khác	135		747.582.364	915.205.280
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(3.937.930.561)	(4.702.263.032)
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>250.543.474.029</b>	<b>203.296.046.069</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	250.543.474.029	203.296.046.069
1.1. Chi hoa hồng chưa phân bổ	151.1		250.543.474.029	203.013.143.158
1.2. Chi phí trả trước khác	151.2		-	282.902.911
<b>V. Tài sản tái bảo hiểm</b>	<b>190</b>		<b>2.254.397.703.200</b>	<b>2.375.597.087.345</b>
1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	191	15	479.360.972.539	455.434.180.580
2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	192	15	1.775.036.730.661	1.920.162.906.765
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+250+260)	<b>200</b>		<b>709.005.168.845</b>	<b>774.642.581.594</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>8.000.000.000</b>	<b>8.000.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn khác	218		8.000.000.000	8.000.000.000
1.1. Ký quỹ bảo hiểm	218.1		8.000.000.000	8.000.000.000
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>626.591.870</b>	<b>679.071.234</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	344.758.988	353.430.135
<i>Nguyên giá</i>	222		6.390.887.385	6.299.939.385
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(6.046.128.397)	(5.946.509.250)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	281.832.882	325.641.099
<i>Nguyên giá</i>	228		23.908.313.000	23.908.313.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(23.626.480.118)	(23.582.671.901)
<b>III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>678.548.450.000</b>	<b>743.915.650.000</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258		678.548.450.000	743.915.650.000
<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>21.830.126.975</b>	<b>22.047.860.360</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	21.830.126.975	22.047.860.360
<b>TỔNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>5.355.529.306.880</b>	<b>5.028.167.867.787</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)</b>	<b>300</b>		<b>4.409.635.917.839</b>	<b>4.133.325.668.142</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>4.409.635.917.839</b>	<b>4.133.325.668.142</b>
1. Phải trả cho người bán	312	11	886.819.465.290	632.978.232.297
1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	312.1		846.206.247.423	597.251.931.058
1.2. Phải trả khác cho người bán	312.2		40.613.217.867	35.726.301.239
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	13.206.639.192	16.801.577.870
3. Phải trả người lao động	315		3.452.720.573	22.737.642.700
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	13	108.097.596.185	100.862.100.626
4.1. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	319.1		101.750.226.633	96.489.804.916
4.2. Các khoản phải trả khác	319.2		6.347.369.552	4.372.295.710
5. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	324	14	21.813.379.070	-
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.775.466.387	5.385.004.900
7. Dự phòng nghiệp vụ	329		3.373.470.651.142	3.354.561.109.749
7.1. Dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	329.1	15	925.412.431.749	796.219.120.133
7.2. Dự phòng bồi thường nhận tái bảo hiểm	329.2	15	2.312.182.371.385	2.433.029.015.249
7.3. Dự phòng dao động lớn	329.3	15	135.875.848.008	125.312.974.367
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>945.893.389.041</b>	<b>894.842.199.645</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>945.893.389.041</b>	<b>894.842.199.645</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		728.000.000.000	728.000.000.000
2. Quỹ dự trữ bắt buộc	419		56.876.988.361	54.366.308.787
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		161.016.400.680	112.475.890.858
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>5.355.529.306.880</b>	<b>5.028.167.867.787</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

CHỈ TIÊU	Đơn vị	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1. Ngoại tệ các loại:			
Đô la Mỹ	USD	374.473	649.532
Bảng Anh	GBP	18.402	6.637
Euro	EUR	4.759	4.754



**Vi Ngọc Sơn**  
Người lập biểu



**Ngô Thanh Hải**  
Kế toán trưởng



**Trịnh Anh Tuấn**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2022

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
*Cho kỳ hoạt động 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022*

**PHẦN I: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ TỔNG HỢP**

CHỈ TIÊU	Mã số	Đơn vị: VND	
		Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10	335.522.762.188	252.730.438.483
2. Doanh thu hoạt động tài chính	12	39.902.683.178	32.617.603.619
3. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	20	305.849.884.147	228.516.899.297
4. Chi phí hoạt động tài chính	22	4.453.652.692	7.656.698.660
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	1.852.823.913	8.820.295.989
<b>6. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b> <b>(50 = 10+12-20-22-23)</b>	<b>50</b>	<b>63.269.084.614</b>	<b>40.354.148.156</b>
7. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	12.217.895.218	8.317.542.598
<b>8. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b> <b>(60=50-51)</b>	<b>60</b>	<b>51.051.189.396</b>	<b>32.036.605.558</b>
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	666	405

*Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**  
Cho kỳ hoạt động 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022

**PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ THEO HOẠT ĐỘNG**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
<b>1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.2-01.3)</b>	<b>01</b>	<b>17</b>	<b>598.413.151.354</b>	<b>472.142.405.899</b>
- Phí nhận tái bảo hiểm	01.2		727.606.462.970	483.561.831.427
- Tăng dự phòng phí nhận tái bảo hiểm	01.3		129.193.311.616	11.419.425.528
<b>2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1-02.2)</b>	<b>02</b>	<b>18</b>	<b>351.583.882.965</b>	<b>292.781.789.106</b>
- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm	02.1		375.510.674.924	298.242.511.067
- Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	02.2		23.926.791.959	5.460.721.961
<b>3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03=01-02)</b>	<b>03</b>		<b>246.829.268.389</b>	<b>179.360.616.793</b>
<b>4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04=04.1+04.2)</b>	<b>04</b>		<b>88.693.493.799</b>	<b>73.369.821.690</b>
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	04.1		80.848.512.275	69.836.881.424
- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	04.2		7.844.981.524	3.532.940.266
<b>5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10=03+04)</b>	<b>10</b>		<b>335.522.762.188</b>	<b>252.730.438.483</b>
6. Chi bồi thường	11		243.589.597.077	94.211.890.769
7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	12		158.864.951.708	62.708.632.029
8. (Giảm)/Tăng dự phòng bồi thường nhận tái bảo	13		(120.846.643.864)	38.580.301.514
9. (Giảm) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	14		(145.126.176.104)	(3.132.362.869)
<b>10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15=11-12+13-14)</b>	<b>15</b>	<b>19</b>	<b>109.004.177.609</b>	<b>73.215.923.123</b>
11. Tăng dự phòng dao động lớn	16		10.562.873.641	5.559.579.611
<b>12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17=17.1+17.2)</b>	<b>17</b>	<b>20</b>	<b>186.282.832.897</b>	<b>149.741.396.563</b>
- Chi hoa hồng bảo hiểm	17.1		173.159.769.753	133.267.986.228
- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	17.2		13.123.063.144	16.473.410.335
<b>13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18=15+16+17)</b>	<b>18</b>		<b>305.849.884.147</b>	<b>228.516.899.297</b>
<b>14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19=10-18)</b>	<b>19</b>		<b>29.672.878.041</b>	<b>24.213.539.186</b>

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)**

Cho kỳ hoạt động 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022

**PHẦN II: BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ THEO HOẠT ĐỘNG (Tiếp theo)**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Kỳ này	Kỳ trước
15. Doanh thu hoạt động tài chính	23	21	39.902.683.178	32.617.603.619
16. Chi phí hoạt động tài chính	24	22	4.453.652.692	7.656.698.660
<b>17. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25=23-24)</b>	<b>25</b>		<b>35.449.030.486</b>	<b>24.960.904.959</b>
18. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	1.852.823.913	8.820.295.989
<b>19. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=19+25-26)</b>	<b>30</b>		<b>63.269.084.614</b>	<b>40.354.148.156</b>
<b>20. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30)</b>	<b>50</b>		<b>63.269.084.614</b>	<b>40.354.148.156</b>
21. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	12.217.895.218	8.317.542.598
<b>22. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>51.051.189.396</b>	<b>32.036.605.558</b>
23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	666	405

Vi Ngọc Sơn  
Người lập biểu

Ngô Thanh Hải  
Kế toán trưởng




Trịnh Anh Tuấn  
Tổng Giám đốc


Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**  
Cho kỳ hoạt động 3 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2022

Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu phí, hoa hồng và bồi thường	01	145.190.953.347	150.789.073.923
2. Tiền thu từ các khoản thu được giảm chi	03	137.074.397	971.092.813
3. Trả tiền bồi thường bảo hiểm	05	(24.276.128.082)	(10.453.435.390)
4. Trả tiền phí bảo hiểm, hoa hồng và các khoản nợ khác của kinh doanh bảo hiểm	06	(91.460.656.946)	(88.139.903.983)
5. Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ	07	(8.063.066.799)	(6.224.726.112)
6. Trả tiền cho cán bộ, công nhân viên	08	(14.433.391.412)	(16.628.231.389)
7. Trả tiền nộp thuế và các khoản nợ Nhà nước	09	(20.823.894.841)	(12.649.967.680)
8. Trả tiền cho các khoản nợ khác	10	(1.090.457.000)	(860.345.816)
9. Tiền tạm ứng cho cán bộ công nhân viên và ứng trước cho người bán	11	(1.722.397.481)	(3.316.124.589)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(16.541.964.817)</b>	<b>13.487.431.777</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền thu từ các khoản đầu tư vào đơn vị khác	21	82.000.000.000	104.000.000.000
2. Tiền thu từ lãi đầu tư khác	22	34.768.952.818	8.746.489.327
3. Tiền đầu tư vào các đơn vị khác	24	(142.000.000.000)	(81.000.000.000)
4. Tiền mua tài sản cố định	25	(90.948.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(25.321.995.182)</b>	<b>31.746.489.327</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu do đi vay	31	21.813.379.070	-
2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(64.675.612.395)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>21.813.379.070</b>	<b>(64.675.612.395)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>(20.050.580.929)</b>	<b>(19.441.691.291)</b>
<b>Tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>37.995.524.279</b>	<b>54.685.820.990</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(37.489.881)	(76.636.286)
<b>Tiền cuối kỳ (70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>17.907.453.469</b>	<b>35.167.493.413</b>

  
Vi Ngọc Sơn  
Người lập biểu

  
Ngô Thanh Hải  
Kế toán trưởng

  
Trịnh Anh Tuấn  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2022

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này